



Luật số 05/2007/QH12

**DỰ THẢO 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

**DỰ KIẾN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**LUẬT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**  
**số 05/2007/QH12**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

- Sửa đổi khoản 1 quy định khái niệm về “sản phẩm”, khoản 2 quy định khái niệm về “hàng hoá” để phù hợp với thực tế, đặc biệt là loại sản phẩm, hàng hoá vô hình.

- Sửa đổi khoản 5 quy định khái niệm về “chất lượng” theo hướng “an toàn, kiểm dịch” là một yếu tố nằm trong “chất lượng” để thống nhất quản lý giữa Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật An toàn thực phẩm, Luật Thú y, Luật Bảo vệ thực vật.

- Tại khoản 6, bổ sung thêm đối tượng bán hàng, cung cấp dịch vụ qua thương mại điện tử.

- Sửa đổi khoản 8 thành khoản 8a quy định khái niệm về “đánh giá sự phù hợp” và khoản 8b quy định khái niệm về “tổ chức đánh giá sự phù hợp”, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Bổ sung khoản 10a quy định khái niệm về “thử nghiệm trọng tải/thử nghiệm kiểm chứng”.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 14 quy định khái niệm về “thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau”, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 16 quy định khái niệm về “cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa” để mở rộng cơ quan kiểm tra theo tình hình thực tế.

- Bổ sung khoản 18 quy định khái niệm về “hạ tầng chất lượng quốc gia”.

- Bổ sung khoản 19 quy định khái niệm về “xác nhận giá trị sử dụng/thẩm định”.



- Bổ sung khoản 20 quy định khái niệm về “kiểm tra xác nhận/thẩm tra”.
- Bổ sung khoản 21 quy định khái niệm về “công nhận”.
- Bổ sung khoản 22 quy định khái niệm về “mã số, mã vạch”.
- Bổ sung khoản 23 quy định khái niệm về “truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 theo hướng quy định cụ thể hơn nguyên tắc xác định những sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 căn cứ trên khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hóa (mức độ rủi ro) và yêu cầu, khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. Những sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao sẽ quy định biện pháp quản lý trước khi thông quan (tiền kiểm) và sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, thấp sẽ quy định biện pháp quản lý sau thông quan trước khi lưu thông trên thị trường hoặc cho phép tự công bố hợp quy (hậu kiểm).

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

- Tại khoản 3, bổ sung nội dung đầu tư, phát triển hệ thống thử nghiệm, thử nghiệm trọng tài/thử nghiệm kiểm chứng.

- Tại khoản 4, bổ sung nội dung đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng để hình thành đội ngũ chuyên gia đánh giá sự phù hợp của Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kiểm soát viên chất lượng để hình thành lực lượng kiểm soát viên chất lượng chính quy, chuyên nghiệp, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra.

- Bổ sung nội dung tuyên truyền về Giải thưởng chất lượng quốc gia tại khoản 5 và nội dung khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia tại khoản 6 để hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia thực sự được lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ sở tư vấn, đào tạo, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, khuyến khích được sự quan tâm tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và đời sống xã hội, tương xứng với tiềm năng vốn có của một giải thưởng về chất lượng mang tầm quốc gia.

- Bổ sung khoản 8 quy định nâng cao Chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam trong đánh giá, xếp hạng Chỉ số Hạ tầng chất lượng toàn cầu (Global Quality Infrastructure Index, GQII). Việc nâng cao năng lực Hạ tầng chất lượng quốc gia là yêu cầu, giải pháp quan trọng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau: “Điều kiện, thủ tục, đối tượng, thời gian xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia, cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đạt giải do Chính phủ quy định”.



5. Bổ sung Điều 7a về Hạ tầng chất lượng quốc gia như sau:

- Quy định về cơ chế, chính sách phát triển Hạ tầng chất lượng quốc gia.
- Quy định về phối hợp xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia.

6. Bổ sung Điều 7b về ứng dụng mã số, mã vạch trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

Quy định về ứng dụng mã số, mã vạch trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, dịch vụ; từ đó các bên tham gia trong chuỗi cung ứng (nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyên, cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, người tiêu dùng...) có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyên.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

- Tại khoản 2, bổ sung quy định người sản xuất có quyền quyết định ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm.
- Tại khoản 4, bổ sung quy định người sản xuất có quyền sử dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

- Tại khoản 2, bổ sung quy định người sản xuất có nghĩa vụ thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật.
- Tại khoản 12, bổ sung quy định người sản xuất có nghĩa vụ trả chi phí ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 31.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

- Tại khoản 3, sửa đổi quy định người nhập khẩu lựa chọn tổ chức giám định thành lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp để đánh giá sự phù hợp chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu, bảo đảm phù hợp với pháp luật của Việt Nam và thông lệ quốc tế.
- Tại khoản 4, bổ sung quy định người nhập khẩu có quyền sử dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

- Tại khoản 3, bổ sung quy định người nhập khẩu có nghĩa vụ thông tin trung thực về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.
- Tại khoản 11, bổ sung quy định người nhập khẩu có nghĩa vụ tái chế, thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhưng không tái xuất được.



11. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

- Tại khoản 3, bổ sung quy định người xuất khẩu có quyền quyết định ứng dụng mã số, mã vạch để bảo đảm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Tại khoản 4, bổ sung quy định người xuất khẩu có quyền sử dụng mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

12. Tại khoản 4 Điều 14, bổ sung quy định người xuất khẩu có nghĩa vụ trả chi phí ứng dụng mã số, mã vạch để bảo đảm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 31.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

- Tại khoản 2, bổ sung quy định người bán hàng có quyền lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp để chứng nhận hàng hóa.

- Bổ sung khoản 7 quy định về quyền của người bán hàng qua thương mại điện tử.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

- Tại khoản 2, bổ sung quy định người bán hàng có nghĩa vụ kiểm tra mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc của hàng hóa.

- Tại khoản 3, bổ sung quy định người bán hàng có nghĩa vụ thông tin trung thực về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, hàng hóa.

- Bổ sung khoản 15 quy định về nghĩa vụ của người bán hàng qua thương mại điện tử.

15. Tại khoản 2 Điều 17, bổ sung quy định người tiêu dùng được cung cấp thông tin về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

- Tại khoản 1, bổ sung điểm c quy định về thử nghiệm trọng tài/thử nghiệm kiểm chứng.

- Tại điểm b khoản 5, sửa đổi theo hướng các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định phải là tổ chức được công nhận hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng để bảo đảm hoạt động thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Bổ sung điểm d khoản 5 quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp ở nước ngoài thực hiện đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam để thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết như Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP...

- Bổ sung khoản 6 quy định về thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giải quyết khó khăn, vướng mắc hiện nay như một tổ chức đánh giá sự phù hợp bị tiến hành đánh giá năng lực nhiều lần, gây tốn kém, lãng phí cho xã hội.



- Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, cơ sở đào tạo đánh giá sự phù hợp và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

17. Sửa đổi tên Điều 26 thành “Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau” và sửa đổi nội dung tại Điều này để bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

- Tại điểm a khoản 1, bổ sung nội dung kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất.

- Tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2, bổ sung nội dung kiểm tra mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

- Tại khoản 4, sửa đổi, bổ sung theo hướng việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng, áp dụng biện pháp quản lý ở mức độ chặt hơn được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

- Tại điểm b khoản 1, bổ sung quy định người sản xuất thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại khoản 2, bổ sung đối tượng sản phẩm sản xuất với mục đích sử dụng tại chỗ, không lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

20. Tại Điều 31, bổ sung quy định người sản xuất phải trả chi phí ứng dụng mã số, mã vạch để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ theo quy định.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

- Tại khoản 1, bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu phải được thể hiện các thông tin về mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

- Tại khoản 2, sửa đổi theo hướng hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được giám định hoặc chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, không phải thực hiện công bố hợp quy để giảm thiểu thủ tục hành chính cho người nhập khẩu; đồng thời bổ sung quy định căn cứ vào khả năng gây mất an toàn của hàng hóa để áp dụng biện pháp kiểm tra nhà nước về chất lượng trước thông quan (tiền kiểm) hay kiểm tra nhà nước về chất lượng sau thông quan (hậu kiểm) nhằm đẩy mạnh việc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình triển khai thực tế trong thời gian vừa qua.

- Tại khoản 3, bổ sung quy định tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định thực hiện chứng nhận tại cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu nhập.

22. Bổ sung Điều 34a quy định về việc miễn kiểm tra, giảm kiểm tra hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2, áp dụng biện pháp quản lý ở mức độ chặt hơn đối



với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 không đáp ứng quy định.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

- Tại khoản 1, sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu để phù hợp với từng biện pháp kiểm tra là tiền kiểm và hậu kiểm.

- Tại khoản 2, sửa đổi theo hướng thay việc giao các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chi tiết thành giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm thống nhất, tránh chồng chéo.

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

- Tại khoản 2, bổ sung quy định tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định thực hiện đánh giá chứng nhận tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất.

- Tại khoản 3, bổ sung quy định cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Đồng thời, bổ sung thêm trường hợp thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu không đáp ứng quy định ngoài trường hợp buộc tái xuất, tiêu hủy, tái chế để phù hợp với thực tế.

25. Tại khoản 1 Điều 37, bổ sung quy định người nhập khẩu trả chi phí chứng nhận theo thỏa thuận với tổ chức chứng nhận.

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

Tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2, sửa đổi theo hướng Đoàn kiểm tra, kiểm soát viên chất lượng có quyền lập biên bản vi phạm hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra.

27. Tại Điều 45, bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

28. Tại khoản 6 Điều 47, bổ sung quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính của cơ quan kiểm tra.

29. Tại khoản 2 Điều 48, sửa đổi theo hướng quy định đoàn kiểm tra phải có sự tham gia của kiểm soát viên chất lượng cho phù hợp với tình hình thực tế.

30. Tại khoản 5 Điều 49, bổ sung quy định đoàn kiểm tra có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

31. Tại khoản 4 Điều 51, bổ sung quy định kiểm soát viên chất lượng có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

32. Tại Điều 66, rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định, bảo đảm thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính.

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 69 như sau:



- Tại khoản 5, bổ sung quy định giao Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng để hình thành đội ngũ chuyên gia đánh giá sự phù hợp của Việt Nam.

- Bổ sung khoản 9 giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành chuyên đề chất lượng sản phẩm, hàng hóa trọng tâm, trọng điểm hằng năm để thực hiện vai trò thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

34. Tại Điều 70, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của sản phẩm, hàng hóa của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; quy định cụ thể các sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm quản lý về chất lượng của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tránh chồng chéo trong quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tế triển khai trong thời gian qua.

## **Điều 2. Bãi bỏ một số điều, khoản của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Tại khoản 15 Điều 12, bãi bỏ nội dung "*Trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 37*" để thống nhất với Luật Phí và lệ phí vì Luật Phí và lệ phí đã không quy định lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu.

2. Tại khoản 7 Điều 19 về quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp, bãi bỏ nội dung "*Thu lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 37*" để thống nhất với Luật Phí và lệ phí vì Luật Phí và lệ phí đã không quy định lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu.

3. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 và 3 Điều 37 để thống nhất với Luật Phí và lệ phí.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**